

# Phát triển tư duy phản biện cho sinh viên trong giáo dục đại học

Đinh Thị Quỳnh Hà

Email: hadtq@ftu.edu.vn  
Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội  
Số 91 phố Chùa Láng, Đống Đa,  
Hà Nội, Việt Nam

**TÓM TẮT:** Tư duy phản biện có lịch sử phát triển từ rất lâu đời. Đây luôn được nhìn nhận là một trong những kỹ năng tư duy quan trọng nhất mà các nhà tuyển dụng đòi hỏi các ứng viên. Do vậy, tư duy phản biện là kỹ năng được yêu cầu sinh viên tốt nghiệp đáp ứng trong hầu hết các chương trình đào tạo bậc đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp. Kỹ năng này được đề cập trong các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cũng như trong các chuẩn đầu ra của các học phần liên quan. Người sở hữu tư duy phản biện tốt là cá nhân có năng lực phân tích và đánh giá thông tin; khả năng lập luận, đồng thời đưa ra quyết định đúng đắn trên nền tảng suy luận logic. Trong nền kinh tế tri thức ngày nay, tư duy phản biện được đánh giá là chìa khoá thành công. Vì vậy, việc đưa tư duy phản biện vào nội dung chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy là điều cần thiết đối với các cơ sở đào tạo bậc đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.

**TỪ KHÓA:** Tư duy, tư duy phản biện, sinh viên, lắng nghe, lắng nghe phản ánh.

→ Nhận bài 16/11/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 28/12/2023 → Duyệt đăng 15/01/2024.

**DOI:** <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410103>

## 1. Đặt vấn đề

Tư duy phản biện (Critical Thinking) là thuật ngữ đặc biệt trong thời gian gần đây xuất hiện khá dày đặc với tần suất rất cao. Chỉ cần gõ “Critical thinking” trên nền tảng tìm kiếm Google, chúng ta nhanh chóng thu được hàng triệu kết quả liên quan.

Critical Thinking - Tư duy phản biện được nhấn mạnh trong tổ hợp các kỹ năng cần thiết của công dân toàn cầu thế kỉ XXI: 4 nhân tố C (đó là: Critical Thinking, Communication, Collaboration, Creativity: tư duy phản biện, giao tiếp, hiệp tác, sáng tạo); 6 nhân tố C (Critical Thinking, Communication, Collaboration, Creativity, Citizenship/Culture, Character Education/Connectivity: tư duy phản biện, giao tiếp, hiệp tác, sáng tạo, tư cách công dân/văn hoá, giáo dục nhân cách/văn hoá) [1].

Theo Pearson, các kỹ năng cấu thành tư duy phản biện bao gồm: lập luận (arguments), suy luận (inferences) bằng phương thức diễn dịch (deduction) hay quy nạp (induction), đánh giá, ra quyết định/giải quyết vấn đề [2].

Để hình thành và phát triển tư duy phản biện, trước tiên người học cần có những kiến thức nền cơ bản. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng ở đó thì chưa đủ, đặc biệt trong những lĩnh vực chuyên môn/học tập cụ thể. Bởi vì tư duy phản biện liên quan đến các kỹ năng nhận thức và khuynh hướng cá nhân. Gọi là khuynh hướng cá nhân vì nó liên quan đến thái độ hoặc thói quen tư duy, bao gồm những đặc điểm nhân cách như: sự cởi mở và công bằng, trí tò mò, tính linh hoạt, xu hướng mong muốn tìm kiếm căn nguyên, khao khát thông tin, tôn trọng sự lựa chọn của đối phương và cởi mở với các quan

điểm khác nhau. Nghiên cứu thực chứng cho thấy con người bắt đầu hình thành năng lực tư duy phản biện từ rất sớm. Trên thực tế, chúng ta thấy có những cá nhân tuy đã trưởng thành (về mặt tuổi tác) nhưng vẫn lập luận kém. Về lí thuyết thì ai cũng có thể học hỏi để có tư duy phản biện. Do vậy, tư duy phản biện là một quá trình rèn luyện, trên cả hai phương diện trí tuệ kết tinh và trí tuệ cơ động. Cách dạy và học tư duy phản biện được khuyến nghị, đó là: người dạy cung cấp các hướng dẫn rõ ràng cụ thể, dạy cách thích nghi với tình huống mới (transfer to the new context). Sinh viên được học phương pháp làm việc nhóm, làm việc hợp tác với phương châm lấy người học làm trung tâm và trên tinh thần của chủ nghĩa kiến tạo (constructivism). Vì vậy, khi xây dựng các tiêu chí đánh giá về tư duy phản biện, giảng viên nên sử dụng các đề bài mở, không cố định phương án trả lời, hoặc căn cứ vào các tình huống thực tế để ra đề. Những câu hỏi đặt ra cho sinh viên không chỉ dừng ở việc tái hiện thông tin mang tính chất học thuộc lòng đơn thuần. Việc xây dựng những đáp án đa dạng vô cùng cần thiết để làm cơ sở đánh giá. Về phía sinh viên, các em được học cách lập luận, không trả lời bằng qơ vô căn cứ, cảm tính mà luôn dựa trên suy luận, lập luận, luận cứ, giả thiết...

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Một số khái niệm cơ bản

#### 2.1.1. Tư duy

Tư duy phản biện nói riêng và tư duy nói chung là thành tố thuộc về năng lực nhận thức. Bởi tư duy chính

là quá trình cá nhân suy nghĩ, nhận thức về thế giới khách quan. Do vậy, khi nói về nhận thức, người ta thường khái quát đó là quá trình chủ thể nhìn nhận ra thế giới bên ngoài, là hình ảnh chủ quan về thế giới khách quan. Chính những yêu cầu của cuộc sống và hoạt động thực tiễn thúc đẩy cá nhân phải hiểu và biết. Các quá trình đó gọi là tư duy.

Hoạt động của nhận thức đóng vai trò không thể phủ nhận trong thực tiễn cuộc sống và tư duy chính là trụ cột của quá trình này. Tư duy là giai đoạn phát triển cao của nhận thức. Nó cho phép con người suy nghĩ sâu hơn về bản chất và mối quan hệ của thực tại khách quan mà không thể nhận biết thông thường bằng giác quan hay cảm nhận. Ví dụ, những khía cạnh của thế giới tâm trí con người không thể hình dung trực tiếp đều có thể được lí giải thông qua hệ thống các khái niệm, phạm trù, quy luật... Điều này cho phép chúng ta đi vào bản chất bên trong của sự vật hiện tượng, hiểu được quy tắc vận hành của vũ trụ và những thuật ngữ học thuật phức tạp khác mà tri giác hay cảm giác trực tiếp không thể đạt tới được.

Tư duy quá trình tinh thần phức tạp của con người cho phép họ suy nghĩ, phân tích và hiểu biết về thế giới xung quanh thông qua việc áp dụng các khái niệm và quy luật khoa học.

Tư duy có thể được coi là một quá trình phức tạp, bao gồm việc xử lí thông tin, phân tích dữ liệu và tạo ra kết luận dựa trên cơ sở của kiến thức có được từ nghiên cứu khoa học. Tư duy không chỉ đơn thuần là việc sử dụng tri thức thông thường mà còn bao gồm khả năng sáng tạo, tưởng tượng và suy luận logic dựa trên quan sát và phân tích.

Tư duy khoa học yêu cầu việc áp dụng phương pháp logic, quy trình khoa học và kiến thức từ các lĩnh vực như toán học, vật lí, hóa học... để hiểu và giải thích các hiện tượng tự nhiên. Nó bao gồm việc sử dụng các nguyên lí để phân tích và dự đoán các sự kiện trong thế giới Vật lí và Sinh học.

Tóm lại, tư duy là khả năng phức tạp của con người để suy nghĩ, phân tích và hiểu biết về thế giới dựa trên việc áp dụng kiến thức và quy luật khoa học từ các lĩnh vực như Vật lí, Toán học, Hóa học và các phương pháp quan sát, suy luận logic.

Tư duy thực chất là tên gọi hoạt động của não người. Khi chúng ta tư duy chính là chúng ta suy nghĩ. Kết quả của quá trình tư duy/suy nghĩ là nhận thức. Ở đây, có thể thấy rõ ràng mối quan hệ biện chứng giữa tư duy và nhận thức. Nhận thức là sản phẩm của tư duy. Nâng cao nhận thức cũng chính là nâng cao tư duy.

Tư duy là một quá trình tâm lí phản ánh những thuộc tính bản chất, những mối liên hệ và quan hệ bên trong có tính quy luật của sự vật, hiện tượng trong hiện thực khách quan mà trước đó chúng ta chưa biết. Vì vậy, tư

duy không chỉ là hoạt động của chủ thể mà nó mang bản chất xã hội, là sản phẩm của sự phát triển lịch sử xã hội. Có hai đặc điểm của tư duy cần lưu ý đặc biệt trong quá trình học tập và giảng dạy, đó là tính có vấn đề và tính trừu tượng, khái quát của tư duy.

### 2.1.2. Tư duy phản biện

Tầm quan trọng của tư duy phản biện cho đến ngày nay là không thể phủ nhận. Tuy vậy, một điều cũng không thể phủ nhận là có quá nhiều định nghĩa về tư duy phản biện và kéo theo đó là những khác biệt trong quan điểm nhìn nhận về chính tư duy phản biện. Theo John Dewey và những người ủng hộ John Dewey như Bean, Kurfiss, Pithers và Sodon, Halpren, Paul, một định nghĩa phổ biến về tư duy phản biện là tư duy phản biện xoay quanh khả năng giải quyết vấn đề bằng giải pháp và khả năng tự diễn giải: Đầu tiên, học sinh, sinh viên phải có chủ đích để giải quyết một vấn đề hoặc trả lời một câu hỏi hay giải một bài toán nhất định nào đó. Những vấn đề nảy sinh như vậy kích thích trí tò mò của người học và thúc đẩy tư duy phản biện trong quá trình học tập. Bước tiếp theo là việc khám phá và phân tích kĩ lưỡng vấn đề để đưa ra kết luận hoặc giả thuyết hợp lí cũng như cách tiếp cận giải quyết vấn đề. Nghĩa là, để đi đến giải pháp đòi hỏi một tổ hợp các kĩ năng và chiến lược nhận thức bao gồm giải quyết vấn đề, hình thành các suy luận, tính toán khả năng và đưa ra quyết định; tính toán tính khả thi của quyết định hoặc xác định mức độ hiệu quả, khái niệm hóa, thao tác hóa, áp dụng, phân tích, tổng hợp và/hoặc đánh giá thông tin thu thập được từ quan sát, kinh nghiệm, suy ngẫm, lí luận hoặc giao tiếp [3].

Một định nghĩa khác của 6C's of Education [4]: Tư duy phản biện là quá trình sàng lọc, phân tích và truy vấn thông tin. Kết quả là hình thành nên các biểu/mẫu/ định dạng phù hợp yêu cầu của tình huống vấn đề. Kĩ năng này giúp người học làm chủ được thông tin mà mình biểu đạt và biết cách vận dụng chúng trong cuộc sống thường ngày.

Trong một bài báo năm 2018 của Stanford Encyclopedia of Philosophy [5] (Bách khoa toàn thư về Triết học của Stanford) với tiêu đề “Tư duy phản biện” (Critical Thinking) cho rằng: “Đây là một định nghĩa gây tranh cãi, yếu tố gây tranh cãi này được hiểu là do có nhiều quan niệm về cùng một phạm trù tư duy phản biện, tuy vậy tất cả đều có cùng mẫu số chung khi bàn về tư duy phản biện, đó là: tư duy phản biện là sự suy nghĩ chín muồi cho một mục tiêu” (“*Its definition is contested, but the competing definition can be understood as differing conceptions of the same basic concept: careful thinking directed to a goal*”). Bên cạnh đó, một khía cạnh nữa về tư duy phản biện cũng được chia sẻ, tư duy phản biện không

có nghĩa là chỉ trích hay bắt lỗi (“*It is not criticising or finding fault*”).

Theo Pearson TalentLens, UK [6], tư duy phản biện là khả năng xem xét tình huống một cách logic, một mặt hiểu rõ sự vật ở nhiều khía cạnh, mặt khác phân tách sự vật ra khỏi những quan điểm, thành kiến, trực giác và giá định. Cũng theo tổ chức này, tư duy phản biện được coi là nguyên liệu thô cùng cố một số kỹ năng và năng lực cốt lõi trong công việc (được mô tả ở biểu đồ RED). Quá trình tư duy phản biện được tóm lược trong biểu đồ RED (**R**ecognise Assumptions - **E**valuate Argument - **D**raw Conclusions: Nhận biết giả định - Đánh giá Luận cứ - Ra Kết luận). Theo đó, RED được vận hành trong quy trình: Information Gathering (thu thập thông tin) - Information Synthesizing (tổng hợp thông tin) - Sensemaking (Nhận thức) - Analysis & Problem Solving (phân tích & giải quyết vấn đề) - Judgment & Decision Making (đánh giá và ra kết luận) - Strategic & Critical Thinking (Chiến lược & tư duy phản biện) (xem Biểu đồ 1).



Biểu đồ 1: Biểu đồ RED

**Recognise Assumptions/Nhận biết giả định:** Thật dễ dàng để lắng nghe một nhận xét hoặc bài thuyết trình hay đọc hoặc xem điều gì đó trên mạng xã hội và cho rằng, thông tin được trình bày là đúng mặc dù không có hoặc có rất ít bằng chứng được đưa ra để chứng minh điều đó. Chúng ta thường cho rằng, mọi thứ là đúng nếu chúng đi theo các giá trị và quan điểm của mình. Tuy nhiên, lập luận này có nhiều giả định không được đưa ra trên cơ sở các minh chứng.

**Evaluate Argument/Đánh giá luận cứ:** Nghệ thuật của sự đánh giá các luận cứ đòi hỏi phải phân tích khách quan và chính xác những thông tin và quan điểm khác

nhau, đặt vấn đề về chất lượng của bằng chứng hỗ trợ và hiểu được cảm xúc ảnh hưởng đến tình huống như thế nào. Các rào cản phổ biến bao gồm thiên kiến xác nhận (là việc chỉ tìm kiếm thông tin theo quan điểm của mình) hoặc để cảm xúc cản trở việc đánh giá khách quan.

Khi đánh giá luận cứ, mức độ chính xác của thông tin dao động từ những phỏng đoán và linh cảm đến những sự thật rõ ràng, không thể chối cãi.

**Inference/Suy luận:** Suy luận kết luận rút ra từ một số sự kiện được quan sát hoặc giả định. Vấn đề nằm ở chỗ khi ai đó suy luận không chính xác. Nếu không biết chắc chắn điều gì là đúng (sự thật rõ ràng) hoặc đưa ra những giả định sai lầm, bạn có thể suy luận sai.

**Reasons/Lập luận:** Trước khi đưa ra quyết định và khi đưa ra quyết định, một người có tư duy phản biện tốt sẽ suy luận. Lập luận là những tuyên bố hỗ trợ cho kết luận. Không có lập luận sẽ không có tranh luận. Lập luận được gọi là bằng chứng hoặc biện minh. Lập luận thất bại bởi vì yếu bằng chứng, tồn tại định kiến hoặc đơn giản là đối phương không tin tưởng chúng.

**Draw Conclusions (Deduce)/Kết luận:** Khi một vấn đề đã được xác định và tiến hành lập luận, chúng ta cần rút ra kết luận. Một kết luận xét ở phương diện tư duy phản biện thường được gọi là quan điểm, lập trường hay ý kiến.

Ra quyết định là quá trình tập hợp thông tin dựa trên các minh chứng là điều tối quan trọng. Những cá nhân cần trọng trong việc ra quyết định là những người không vội vàng khái quát hóa, đồng thời họ có thể thay đổi ý kiến khi những minh chứng bảo đảm cũng thay đổi. Những cá nhân này thường biết đến là những người có “khả năng phán đoán tốt”. Kỹ năng này đặc biệt quan trọng đối với luật sư, đó là lí do tại sao tư duy phản biện được coi là kỹ năng bắt buộc phải có đối với các nhân sự làm trong lĩnh vực pháp luật.

## 2.2. Tư duy phản biện và sinh viên

### 2.2.1. Vai trò của tư duy phản biện đối với người học là sinh viên

Tư duy là nền tảng tri thức, là phương thức để con người bước ra thế giới, hiểu về nó và học cách “cùng chung sống”. Tư duy phản biện giúp sinh viên nắm vững kiến thức chung, kiến thức chuyên môn; thấu hiểu được bản chất của sự vật hiện tượng; hiểu rõ những giá trị cốt lõi, nguyên tắc cũng như bản chất của vấn đề.

Tư duy phản biện là một trong những thành tố quan trọng nhất của năng lực nhận thức. Ở mức sơ khởi, tư duy phản biện giúp sinh viên tiếp nhận thông tin và nhận định tính đúng đắn của nó: biết phân biệt và nhận ra nguồn tin xác thực cũng như thông tin giả mạo, xuyên tạc.

Sinh viên có năng lực tư duy phản biện tốt sẽ chủ

động trong suy nghĩ và hoạt động thực tiễn. Bên cạnh năng lực tư duy độc lập, người học còn xây dựng được thái độ cởi mở, hợp tác không chỉ trong học tập mà còn trong các quan hệ xã hội, trong cuộc sống; chấp nhận sự khác biệt, tôn trọng ý kiến đối phương, đa dạng văn hoá và quan điểm. Phản biện trong tinh thần hợp tác, không phán xét.

Tư duy phản biện giúp sinh viên phát hiện, phân tích giải quyết tình huống, mâu thuẫn bằng việc đưa ra những lập luận, lí lẽ dựa trên những minh chứng cụ thể, xác đáng; biểu đạt thông tin rõ ràng, có căn cứ và logic để phân tích tình huống. Khi khởi nghiệp, sinh viên tốt nghiệp sẽ thích nghi được với tình huống và luôn tìm tòi những phương thức hữu hiệu để giải quyết vấn đề [6].

### 2.2.2. Rèn luyện tư duy phản biện cho sinh viên

*Không ngừng bồi đắp, trau dồi kiến thức:* Như đã phân tích, kiến thức nền là điều kiện cần thiết để hình thành tư duy và cao hơn nữa là tư duy phản biện. Kiến thức nền là đường dẫn tất yếu, hữu ích và hiệu quả để có thể tiếp cận kiến thức của bất kì lĩnh vực chuyên môn cụ thể nào. Kiến thức vừa là kết quả nhưng đồng thời cũng là phương tiện đặc hiệu của tư duy - đây là một mối quan hệ biện chứng tác động qua lại không thể tách rời. Một khi kiến thức được bồi đắp hàng ngày, nhu cầu mở rộng kiến thức cũng không ngừng được thúc đẩy.

*Đặt câu hỏi:* Để có kiến thức, thông tin để tự trình bày một vấn đề, bảo vệ một luận điểm đã là một công việc đầy thử thách; Để có kĩ năng hỏi và đặt câu hỏi lại là một công việc khó khăn hơn nữa. Bởi tự trình bày, tự bảo vệ mang tính chủ quan, trong khi đặt câu hỏi lại là sự truy vấn thông tin mang tính khách quan. Kĩ năng đặt câu hỏi giúp người học có cái nhìn đa chiều về sự vật hiện tượng, làm cho việc học không đơn thuần là quá trình tiếp nhận kiến thức đơn thuần một chiều và bị động. Đặt câu hỏi để kì vọng về câu trả lời, thậm chí sự phản ứng lại của câu hỏi có thể lại là một câu hỏi; quá trình tương tác truy vấn Hỏi - Đáp được vận hành liên tục, gia tăng tính tương tác và phản biện giữa các bên tham gia. Đặt câu hỏi là bài tập thực hành của luận điểm lí thuyết “Tính có vấn đề của tư duy”. Bất kể một cá nhân nào dù chủ động hay bị động, khi trở thành thành viên của hoạt động đều phải tư duy và kích thích tư duy.

*Dạy sinh viên cách nghiên cứu:* Đây là cách thức bài bản nhất để phát triển tư duy phản biện cho người học bởi bản chất của nghiên cứu khoa học là tính chất khoa học của nghiên cứu, là việc phải giải quyết một nhiệm vụ thực tế trên cơ sở nghiên cứu thấu đáo cơ sở lí luận liên quan và phân tích thực trạng để từ đó đi đến bước cuối cùng của tư duy phản biện là tìm ra lời giải/giải pháp cho vấn đề nghiên cứu.

*Khuyến khích sinh viên có lối tư duy mở, làm việc hợp tác:* Khuyến khích sinh viên tư duy mở và xem xét tất

cả các khía cạnh của một vấn đề. Điều này không có nghĩa là họ phải đồng ý với mọi thứ nhưng họ có khả năng nhìn sự vật toàn diện.

“Tiến sĩ Spencer Kagan [4] có nhiều nghiên cứu để khẳng định niềm tin của ông ấy vào học tập hợp tác đúng đắn, bao gồm các nguyên tắc như sau: sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực (positive interdependence - PI), trách nhiệm cá nhân (individual accountabilities), sự tham gia bình đẳng (equal participation), sự tương tác đồng thời (simultaneous interaction) - PIES.

Sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực - PI: Sự thành công của tôi phụ thuộc vào sự thành công của bạn và ngược lại. Thường thì chúng ta rơi vào bẫy của sự phụ thuộc tiêu cực lẫn nhau, trong đó thành công của một người được tạo nên từ sự thất bại của người khác hoặc thành công ở mức tối thiểu. Nhưng học tập theo nhóm là một kĩ năng sống và với suy nghĩ đó chúng ta tạo cơ hội cho học sinh học cách làm việc như một đội. Trách nhiệm cá nhân loại bỏ được những học sinh ẩn sau công việc của những người khác. Đồng thời, đóng góp của các thành viên về bản chất là phải như nhau. Các vai trò có thể biến đổi từ một chiến lược này sang một chiến lược khác, song không thể có thành viên nào trượt dốc trong khi số còn lại đảm đương phần lớn công việc. Cuối cùng, phải có sự tương tác đồng thời diễn ra. Học sinh làm việc với nhau vào mọi lúc.

PI còn được hiểu là sự lắng nghe tích cực. Nhưng vì mỗi chiến lược đều xác định các nhiệm vụ rõ ràng, nên cần phân biệt với lắng nghe thụ động - là hiện tượng thường thấy trong các lớp học.

*Lắng nghe phản ánh* (reflective listening) hay còn gọi là lắng nghe phản hồi là một kĩ năng giao tiếp mà qua đó sinh viên nâng cao được hiểu biết của mình về tình huống, cách tiếp cận và các ý tưởng được nảy sinh trong nhóm. Đó là một kĩ năng hữu ích đặc biệt giúp tránh xung đột nhóm. Buffington và cộng sự viết [3], “Khi sử dụng phương pháp này vấn đề không phải là ‘Tôi có thể làm gì cho ‘người này’ mà là ‘Người này nhìn nhận bản thân họ như thế nào?’”.

Hai kĩ thuật chính để thực hành lắng nghe phản ánh là phản chiếu và diễn đạt lại thông tin. Phản chiếu (mirroring) là việc nhắc lại thông tin của người nói bằng việc lặp lại các cụm từ đã dùng (đặc biệt là key words - các từ quan trọng chuyển tải nội dung chính). Kĩ thuật diễn đạt lại thông tin (paraphrasing) là cách cấu trúc lại thông tin của người nói, nghĩa là truyền tải lại nội dung với hình thức mới.

Trên thực tế, để luyện được kĩ năng này, chúng ta cần thực hành nhiều lần để có thể thành thục, đáp ứng mục đích của lắng nghe phản hồi: người nghe trong vai người nói cố gắng làm rõ và trình bày lại những gì đối phương đã nói. Có thể thấy một số lợi ích của lắng nghe phản ánh như sau:

- Tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau.
- Giúp đối phương truyền đạt ra được suy nghĩ của họ
- Khuyến khích, khơi gợi đối phương nói ra những suy nghĩ của mình.

*Những lưu ý cần chú ý khi chúng ta rèn luyện kỹ năng nghe phản ánh:*

- Tập trung nhiều hơn vào khâu nghe đúng với vai trò của người nghe thay vì đóng vai người nói.
- Phản hồi thông tin thay vì dông dài những nội dung mang tính chất cá nhân và không liên quan, trình bày rõ ràng, không mơ hồ, trừu tượng (phản hồi thông tin).
- Trình bày lại và làm rõ những nội dung đã nghe, không đề cập đến các vấn đề xuất phát từ nhu cầu của người nghe như mong muốn, cảm nhận hay niềm tin.
- Cố gắng hiểu những cảm xúc của người nói, điều này không chỉ gò bó trong phạm vi nội dung được trình bày (phản hồi cảm xúc).
- Hiểu được cảm xúc của người nói nhưng đồng thời tránh sa đà và bị thao túng ngược trở lại (bị chìm đắm, và cảm tính trong quá trình lắng nghe).
- Đáp lại bằng sự chấp nhận và đồng cảm, không thờ ơ, khách quan, lạnh lùng, vô cảm.

*Một số thao tác/chiến thuật thực hành trong lắng nghe phản ánh:*

- Tạo môi trường thuận lợi để người nói nói hết, không xen ngang ngắt quãng
- Chủ động nhớ các chứng cứ và luận điểm quan trọng được cung cấp bởi người nói.
- Ghi chép đầy đủ trong lúc lắng nghe.
- Tóm lược các quan điểm được trình bày.
- Cởi mở, thân thiện ngay cả khi cảm thấy xung đột về mặt quan điểm với người nói; đặc biệt tránh tỏ ra thái độ thù địch với đối phương.
- Luôn tỏ ra quan tâm đến cuộc trò chuyện.

*Giúp người học suy nghĩ không cứng nhắc trong những khuôn khổ định sẵn, có lối tư duy cởi mở, suy nghĩ vượt khung/giới hạn (think outside the box):* đặt người học trong tình huống/vấn đề không có giải pháp rõ ràng cụ thể và buộc họ phải “giải bài toán” đó. Điều này được thể hiện trong phương thức đánh giá tư duy phản biện của sinh viên, việc ra đề trong thi cử, đánh giá của giảng viên không phải là những bài toán/vấn đề có đáp án rõ ràng cụ thể, mà là những nhiệm vụ mở (open-ended tasks). Suy nghĩ vượt khung cũng là cách hạn chế tối đa sự nguy hiểm (fallacies: lập luận sai về mặt logic) mà sinh viên có thể dễ dàng sa đà trong khi khẳng định bảo vệ lợi ích một cách phi lý và vô lối của mình.

*Kiến tạo môi trường tranh biện dân chủ, luôn tạo điều*

*kiện cho những tranh luận cởi mở, đa chiều và khách quan:* Việc chuyển từ đào tạo niên chế sang học chế tín chỉ với tinh thần chủ đạo lấy người học làm trung tâm (student - centered approach) là một sự mở đường đầy thuận lợi cho môi trường học tập, giảng dạy cởi mở, khuyến khích tối đa sự tham gia tích cực của sinh viên trên lớp cũng như những hoạt động nghiên cứu và ngoại khoá khác. Đây là một trong những cách hữu dụng nhất để phát triển tư duy phản biện trong lớp học. Chỉ khi có môi trường thuận lợi cho tư duy phản biện hình thành và phát triển thì mới có thể nghĩ tới các bước cụ thể tiếp theo. Hình thức nào cho phép người học luyện các kỹ năng nghiên cứu và xem xét mọi mặt của vấn đề; Khuyến khích tranh luận đồng thời còn là cách đưa ra lời phản biện một cách tôn trọng đối phương; Mạnh dạn đưa ra quan điểm trong quá trình tranh luận nhưng đồng thời cũng phải biết chấp nhận lập luận của người khác nếu đúng, chính xác và hợp lý. Không đặt cảm xúc cá nhân trong công việc, khi tranh luận; không lấy quan điểm cá nhân áp đặt vào tình huống. Những đánh giá, lập luận cảm tính, bản năng và chủ quan sẽ là rào cản vô cùng lớn trong quá trình đi tìm “chân lí”.

*Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp:* Ngôn ngữ là cái vỏ của tư duy. Nếu không có ngôn ngữ, có lẽ tư duy sẽ mất đi phương thức biểu đạt hiệu quả, phổ quát nhất. Vì vậy, để trở thành một người có tư duy phản biện tốt cần sở hữu khả năng giao tiếp tốt.

### 3. Kết luận

Thế giới chúng ta sống đang vận hành với nhịp điệu ngày một tăng cả về quy mô và cơ cấu của những yêu cầu và đòi hỏi như Cách mạng công nghiệp 4.0, kinh tế tri thức, dữ liệu lớn (big data), chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI),... Nhu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng những yêu cầu mới của thời đại do vậy trở nên bức thiết hơn bao giờ hết. Đào tạo những kỹ năng cần thiết cho sinh viên- thế hệ lao động tương lai của đất nước là công tác cần được chú trọng ở bất cứ cơ sở đào tạo nào dù công hay tư. Đó là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống giáo dục đại học, cao đẳng trung học chuyên nghiệp,... đặc biệt đối với các trường đại học.

*Lời cảm ơn:* Bài viết là sản phẩm của đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở của Trường Đại học Ngoại thương: “Đánh giá thực trạng tư duy phản biện của sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh Thương mại tại Trường Đại học Ngoại thương”, mã số: NTCS2022-23.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bishop, Joseph, (2021), *Four Cs of 21<sup>st</sup> Century Learning*, Partnership for 21st Century Skills, <https://>

[www.imls.gov/assets/1/AssetManager/Bishop%20Pre-Con%202.pdf](http://www.imls.gov/assets/1/AssetManager/Bishop%20Pre-Con%202.pdf).

- [2] Pearson, (2011), *Critical Thinking: A Literature Review*.
- [3] Alsaleh, N. J. (2020), *Teaching Critical Thinking Skills: Literature Review*, Turkish Online Journal of Educational Technology-TOJET, 19(1), 21-39.
- [4] The 6C's of Education, (2021), <https://miro.com/blog/6-cs-of-education-classroom/>.
- [5] Critical Thinking, (2018), <https://plato.stanford.edu/archives/fall2018/entries/critical-thinking/>.
- [6] Wyn Davies, Global Product Strategist, Pearson TalentLens, Matt Stevens, Head of Pearson TalentLens, (2019), *The Importance Of Critical Thinking And How To Measure It*, Pearson TalentLens, WhitePaper, UK.
- [7] Hitchcock, David, (2018), *Critical Thinking*, The Stanford Encyclopedia of Philosophy (Fall 2018 Edition), Edward N. Zalta (ed.).
- [8] Nguyễn Thị Nga, (2018), *Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong mô hình trường học thông minh*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế giáo dục cho mọi người (Proceedings of international conference education for all), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.34-42.
- [9] Buffington, A., Wenner, P., Brandenburg, D., Berge, J., Sherman, M., & Danner, C, (2016), *The art of listening*, Minnesota Medicine, 99(6), 46-48.
- [10] The 6C's of Education- A Guide for Teachers, (2022), <https://www.rolljak.com/blog/the-6c-s-of-education-a-guide-for-teachers/>.
- [11] Trần Nguyên Hào, (2021), *Sinh viên với việc rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện*, <https://giaoduc.net.vn/sinh-vien-voi-viec-ren-luyen-ky-nang-tu-duy-phan-bien-post223030.gd>.
- [12] Dan Garrison, Ngọc Lan (dịch), (02/2020), *Học tập hợp tác như thế nào để trở thành một giáo viên tốt hơn* (How Cooperative Learning Made Me A Better Teacher), Chuyên san Dạy và Học, số 20, tr.30-33.
- [13] Đinh Thị Quỳnh Hà, (2023), *Phát triển tư duy phản biện cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay*, Hội thảo Quốc gia “Lao động, việc làm và an sinh xã hội ở Việt Nam”, Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội, tr.366- 374.

## DEVELOPING CRITICAL THINKING FOR STUDENTS IN HIGHER EDUCATION INSTITUTIONS

### Đinh Thị Quỳnh Hà

Email: hadtq@ftu.edu.vn  
Foreign Trade University  
No. 91 Chua Lang street, Dong Da district,  
Hanoi, Vietnam

**ABSTRACT:** *Employers consistently rank critical thinking as one of the most important skills that candidates must possess. It has a lengthy history of growth. As a result, this skill is the main emphasis of the majority of training programs at colleges, universities, and professional high schools. It is one of the requirements of the training programs and its related modules' output standards. Good critical thinkers are able to assess and analyze data and come to well-reasoned judgments through reasoned reasoning. Given that critical thinking is seen as the key to success in today's knowledge economy, professional high schools, universities, and colleges must train this skill.*

**KEYWORDS:** Thinking, critical thinking, students, listening, reflective listening.